

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HSST

Ngày: 21-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Nguyễn Thanh An.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh: Ông Phan Sâm Rin – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2025/TLST - HS ngày 19 tháng 6 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HS, ngày 07 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cao Minh P**, sinh ngày: 18/4/1998.

Tên gọi khác: T.

Nơi thường trú: ấp T, xã B, thành phố G, tỉnh Tiền Giang. Nay là: ấp T, phường S, tỉnh Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: phụ giúp gia đình; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Ngọc A và bà Ngô Thị V; Bản thân chưa có vợ, con; Tiền án – tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Lai Mỹ N, sinh năm: 1999 – Đã chết.

Người đại diện theo pháp luật cho bị hại: Nguyễn Văn T1, sinh năm: 1998 – Là chồng bị hại, đồng thời cũng là bị hại (có mặt).

Cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh.

(Cha bị hại tên Lai Chí H, sinh năm: 1973 và mẹ bị hại tên Mai Thị Hồng L,

sinh năm: 1972 đều đã chết).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Nguyễn Thanh V1, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Cư trú: ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh.

Người làm chứng: Trần Thanh D, sinh năm: 2007 (vắng mặt).

Cư trú: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: xã M, tỉnh Tây Ninh.

Người chứng kiến: Bạch Thanh V2, sinh năm: 1999 (vắng mặt).

Cư trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Long An. Nay là: ấp P, xã M, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 23/11/2024, Cao Minh P điều khiển xe mô tô, biển số: 71F8 -9085 không có giấy phép lái xe theo quy định, chở theo sau Trần Thanh D lưu thông trên đường T hướng từ ngã năm Mũi tàu đi ngã tư X. Khi đến đoạn đường Km09+500, thuộc ấp P, xã P, huyện C, P điều khiển xe lấn trái đường nên va chạm với xe mô tô, biển số: 62M1-906.90 do anh Nguyễn Văn T1 điều khiển, chở theo sau chị Lai Mỹ N lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả: chị Lai Mỹ N bị thương nặng, chuyển Bệnh viện C điều trị đến ngày 25/11/2024 thì tử vong.

Tại bản kết luận giám định tử thi số 204/KLGĐTT-TTPY, ngày 11/12/2024 của Trung tâm Pháp y thuộc Sở Y, kết luận nguyên nhân chết: Nạn nhân Lai M, sinh năm 1999 tử vong do bị chấn thương sọ não nặng.

Sau khi sự việc xảy ra, các cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, vụ tai nạn giao thông lập lúc 23 giờ 50 phút ngày 23/11/2024 tại đường T, xác định khu vực va chạm là vị trí cuối vết ma sát màu đen (1) đo vuông góc vào lề chuẩn là 4,8m, mặt đường rộng 11m. Cụ thể:

Hiện trường xảy ra tại đường tỉnh 853 thuộc km 09+500m ấp P, xã P, huyện C. Mặt đường trải nhựa rộng 11m, ở giữa có vạch sơn kẻ đường màu vàng đứt quãng phân chia mặt đường thành hai dòng phương tiện lưu thông ngược chiều nhau (có hướng đi ngã tư X đôi và hướng đi ngã năm Mũi T2).

Mô tả vị trí phương tiện, dấu vết theo số tự nhiên:

- Ký hiệu số (1) là vết ma sát màu đen;
- Ký hiệu số (2) là xe mô tô biển số 62M1- 906.90;
- Ký hiệu số (3) là vết cày đứt quãng;

- Ký hiệu số (4) là xe mô tô biển số 71F8 - 9085.

Tiến hành khám nghiệm theo hướng từ ngã tư X đi hướng ngã năm M Tàu ghi nhận:

Chọn lề phải đường tỉnh 835 làm lề chuẩn và chọn trụ điện số 158 bên trái đường làm điểm cố định để tiến hành đo đạc (lề phải theo hướng từ ngã tư X đi hướng ngã năm M):

Ký hiệu số (1) là vết ma sát màu đen dài 10,7m, đầu (1) đo vuông góc vào lề chuẩn là 5,5m, cuối (1) đo vuông góc vào lề chuẩn là 4,8m. Đầu (1) đo chệch 12,2m vào lề trái đường tỉnh 835 là điểm mốc cố định, cuối (1) đo chệch 1,8m về hướng ngã năm Mũi Tàu đến trục sau bên phải xe (2).

Ký hiệu số (2) ngã ngang bên phải trên mặt đường tỉnh 835. Trục sau (2) đo vuông góc vào lề chuẩn 04m, trục trước (2) đo vuông góc vào lề chuẩn là 5,2m và đo chệch 2,1m về hướng ngã tư X đến vị trí đầu vết (3).

Ký hiệu số (3) là vết cày đứt quãng dài 2,8m trên mặt đường tỉnh 835. Đầu (3) đo vuông góc vào lề chuẩn là 5,8m, cuối (3) đo vuông góc vào lề chuẩn là 6,5m và đo chệch 02m về hướng ngã tư X là vị trí trục sau bên trái xe (4).

Ký hiệu số (4) ngã nghiêng bên trái trên mặt đường tỉnh 835 (đầu xe hướng ngã tư X, đuôi xe hướng ngã năm Mũi T). Trục trước (4) đo vuông góc vào lề chuẩn là 09m, trục sau (4) đo vuông góc vào lề chuẩn là 8,4m

Biên bản khám nghiệm xe mô tô, biển số 62M1- 096.90: Mặt lặn bánh sau có vết ma sát màu đen kích thước (8 x 15cm); Mặt nạ trước xe bị vỡ, nhiều vết trầy xước; Cổ xe bị biến dạng về sau; Ốp chắn bùn trước xe bị vỡ rơi khỏi xe; Chắn bùn trước tại vị trí đầu giảm xóc trước bên trái xe có vết ma sát màu xám trắng (3 x 11 cm) tại phần còn lại của ốp chắn bùn trước xe; T3 giảm xóc trước bên trái có vết mài mòn kích thước (2 x 4cm); Vành bánh xe trước bên trái có nhiều vết mài mòn màu trắng.

Biên bản khám nghiệm xe mô tô, biển số 71F8 - 9085: Giỏ xe phía trước, bên trái bị biến dạng vào trong; Cổ xe biến dạng về sau; T3 giảm xóc trước bên phải xe có vết mài mòn kích thước (3 x 6cm); Vành bánh trước bên phải bị biến dạng kích thước (3 x 7cm); Vỏ bánh trước xe bị thủng kích thước (3 x 6cm); Ốp nắp tay trên bên trái xe bị vỡ kích thước (5 x 11cm); Đầu gác chân trước bên trái xe bị mài mòn.

Tại Bản cáo trạng số 57/CT-VKSCG, ngày 19/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc truy tố bị cáo về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử.

Áp dụng: điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Cao Minh P từ 03 (ba) năm đến 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tang vật: do bị cáo P chưa bồi thường dân sự, nên đề nghị tiếp tục tạm giữ 01 (một) xe mô tô biển số: 71F8 - 9085 của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ và hoàn trả: 01 (một) xe mô tô Suzuki do Nguyễn Văn T1 điều khiển có biển số: 52H4-8934, do quá trình sử dụng biển số: 52H4-8934 bị rơi mất, đến tháng 6/2024 T1 nhặt được biển số: 62M1-906.90 nên gắn vào xe của mình để sử dụng và qua điều tra xác định xe mô tô là tài sản hợp pháp của anh T1, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho anh T1. Đối với biển số: 62M1-906.90 qua điều tra xác định là tài sản hợp pháp anh Nguyễn Thanh V1 làm rơi, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã trao trả lại cho anh V1.

Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 584; 585 và Điều 591 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo P. Buộc bị cáo phải bồi thường cho đại diện bị hại anh Nguyễn Văn T1 tiền viện phí và chi phí mai táng, tổn thất tinh thần, tiền sửa chữa xe mô tô bị hư hỏng, tổng cộng số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng).

Bị cáo và đại diện bị hại, bị hại không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng gửi lời xin lỗi bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 23 giờ ngày 23/11/2024, Cao Minh P điều khiển xe mô tô biển số 71F8 - 9085 có dung tích xy lanh trên 50cm³, không có giấy phép lái xe theo quy định lưu thông trên đường tỉnh 835 theo hướng ngã năm Mũi T đi ngã tư X. Khi đến đoạn đường thuộc ấp P, xã P, huyện C, bị cáo P điều khiển xe mô tô lấn sang phần đường bên trái 0,7m nên đã va chạm với xe mô tô biển số: 62M1-906.90 do anh Nguyễn Văn T1 điều khiển, chở theo sau chị Lai Mỹ N lưu thông theo chiều ngược lại. Hậu quả: chị Lai Mỹ N tử vong do chấn thương sọ não nặng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra ngày 23/11/2024, nên áp dụng Luật giao thông đường bộ để xem xét xử lý (do Luật trật tự, an toàn giao thông đường bộ có hiệu lực từ ngày 01/01/2025). Hành vi điều khiển xe mô tô của bị cáo đã vi phạm khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 Luật giao thông đường bộ. Cụ thể: *“Khoản 9 Điều 8. Điều khiển xe cơ giới không có giấy phép lái xe theo quy định và Khoản 1 Điều 9. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”*. Hậu quả vụ tai nạn giao thông làm một người chết và do bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định, nên hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp định khung tăng nặng hình phạt theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự là: *“a. Không có giấy phép lái xe theo quy định”*. Đối với hành vi bị cáo P có, hay không có sử dụng rượu, bia, do khi xảy ra tai nạn bị cáo bị thương nên đã đi điều trị vết thương, không có tiến hành đo nồng độ cồn, nên không có cơ sở xem xét xử lý.

[4] Hành vi của bị cáo được thực hiện do lỗi vô ý, là nguy hiểm cho xã hội, khi điều khiển phương tiện tham gia giao thông không tuân thủ luật giao thông đường bộ đã gây ra tai nạn giao thông nghiêm trọng làm một người chết. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm sự hoạt động bình thường của các phương tiện giao thông đường bộ, gây thiệt hại tính mạng của người khác, gây mất trật tự an toàn giao thông, làm cho những người tham gia giao thông hoang mang, lo sợ. Do đó cần thiết xử lý bị cáo bằng một hình phạt thỏa đáng mới có thể giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự: không.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có bà ngoại tên Võ Thị L1 được tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, ông nội tên Trần Văn K được tặng bằng khen do có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, hoàn cảnh kinh tế gia

đình bị cáo khó khăn (có xác nhận của địa phương) nên bị cáo còn được hưởng những tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Với những nhận định trên, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo không có giấy phép lái xe, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự.

[8] Về tang vật thu giữ: Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki lắp biển số 62M1 – 906.90, qua điều tra xác định biển số thật của xe là 52H4 – 8934, xe mô tô là tài sản của hợp pháp của anh Nguyễn Văn T1, nhưng do trong quá trình sử dụng biển số 52H4 – 8934 bị rút mất và anh T1 nhặt được biển số 62M1 – 906.90 nên lắp vào sử dụng, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô cho anh T1, là phù hợp. Đối với biển số 62M1 – 906.90, qua điều tra xác định là của anh Nguyễn Thanh V1 làm rơi, nên Cơ quan cảnh sát điều tra đã hoàn trả cho anh V1, là phù hợp. Đối với 01 (một) xe mô tô biển số: 71F8 - 9085 theo hồ sơ thể hiện do ông Phạm Văn T4, sinh năm 1959, cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre đứng trên giấy Chứng nhận đăng ký và theo hồ sơ thể hiện (*bút lục số 83*) ông T4 trình bày là đã bán xe vào năm 2021 và theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa thì bị cáo mua xe mô tô này với giá tiền 2.100.000 đồng, nhưng không nhớ thời gian và do giá trị xe thấp nên không làm thủ tục sang tên đổi chủ. Do đó có đủ cơ sở xác định xe mô tô là của bị cáo P. Do bị cáo chưa bồi thường dân sự, nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa đại diện bị hại anh Nguyễn Văn T1 yêu cầu bị cáo phải bồi thường: tiền viện phí và chi phí mai táng, tiền tổn thất về tinh thần, tiền sửa chữa xe mô tô bị hư hỏng, tổng cộng số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng). Trước yêu cầu của phía bị hại, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ, nên ghi nhận.

[10] Về án phí: bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 120.000.000 đồng phải bồi thường cho phía bị hại theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Cao Minh P phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Cao Minh P 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tang vật: tiếp tục tạm giữ của bị cáo Cao Minh P 01 (một) xe mô tô biển số: 71F8 - 9085 để đảm bảo thi hành án.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKSCG, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 591; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Cao Minh P phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn T1 số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) gồm tiền viện phí, mai táng phí, tiền tổn thất về tinh thần và tiền sửa xe mô tô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật bị hại, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN CHỦ TỌA

TRẦN VĂN Đ – NGUYỄN THANH AN NGUYỄN ĐỨC B

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- CA tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu Vực 7, tỉnh Tây Ninh;
- THA dân sự tỉnh Tây Ninh;*
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Tây Ninh, ngày 21 tháng 7 năm 2025

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 00 phút ngày 21 tháng 7 năm 2025.

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Nguyễn Thanh An.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 48/2025/TLST-HS, ngày 19/6/2025 đối với bị cáo: Cao Minh Phụng.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Minh Phụng phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt: Xử phạt: Cao Minh Phụng 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tang vật: tiếp tục tạm giữ của bị cáo Cao Minh Phụng 01 (một) xe mô tô biển số: 71F8 - 9085 để đảm bảo thi hành án.

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 7, tỉnh Tây Ninh đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKSCG, ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Giuộc.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585; Điều 591; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Cao Minh Phụng phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn Tài số tiền 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) gồm tiền viện phí, mai táng phí, tiền tổn thất về tinh thần và tiền sửa xe mô tô.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người đại diện theo pháp luật bị hại, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 15 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

TRẦN VĂN ĐOÀN – NGUYỄN THANH ANNGUYỄN ĐỨC BẢO